TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST Ngày: 08/8/2018 *V/v: Tranh chấp ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------o0o-------

NHÂN DANH

N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN QU□N LONG BI□N

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Tô Thanh Phong - Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân:1. Ông Nguyễn Xuân Tiền

2. Bà Đặng Thị Nhác

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lý Thị T- ờng Nga - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên: Bà Nguyễn Thanh H- ơng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 375/2018/TLST —HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 44 ngày 23. 7.2018 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L. Sinh năm 1957 (*Có đơn xin vắng mặt*)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu M . Sinh năm 1963 (*Vắng mặt*)

HKTT: Ngọc Lâm – phường Ngọc Lâm – quận Long Biên – TP Hà Nội.

NHẬN THẤY

Tại đơn xin ly hôn ngày 18/6/2018 gửi TAND quận Long Biên và các lời khai, biên bản lấy lời khai tại toà án nhân dân quận Long Biên, ông L trình bày :

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 7 năm 1981 tại UBND quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn , nguyên nhân do ông L và bà M bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt, kinh tế gia đình dẫn đến sứt mẻ tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngày 18/5/2018, ông bà đã cùng ký đơn thuận tình ly hôn, bà M cho rằng ký đơn là xong nên không đến Tòa án làm việc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay ông L xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị được ly hôn với bà M để giải phóng cho 2 người.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung đã trưởng thành là: Trần Văn T, sinh năm 1983; Trần Thu T, sinh năm 1984; Trần Thu T, sinh năm 1987. Các con của ông bà đã xây dựng gia đình, độc lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu phát sinh tranh chấp ông bà tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu M đã đ- ợc Tòa án nhân dân quận Long Biên thông báo thụ lý vụ án, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần nh- ng không có mặt, không có ý kiến gửi cho Tòa án và không cung cấp tài liệu chứng cứ theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu ý kiến : Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật**.** Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ t- cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn theo Điều 68 BLTTDS. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 BLTTDS và Nghị quyết 01/2017 ngày 13.01.2017 của HĐTP TAND TC. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật**.** Đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ Điều 19, điều 51, điều 56 khoản 1, điều 58, điều 82, điều 83, điều 84 Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014, điều 28 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Thu M . Về con chung: Các con chung của ông bà đã trưởng thành nên không xem xét đến. Về tài sản chung, nhà ở: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng**: Ngày 18/6/2018, TAND quận Long Biên nhận đ- ợc đơn xin ly hôn của ông Trần Văn L đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu M có HKTT và hiện đang c- trú tại số 77/79 ngõ 154 Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội. TAND quận Long Biên đã thụ lý vụ án về việc "*Tranh chấp ly hôn*" là đúng thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Thu M đã đ- ợc Tòa án tống đạt, triệu tập nhiều lần nh- ng không đến làm việc, Tòa án nhiều lần không tiến hành hòa giải đ- ợc vì vắng mặt bị đơn. Bà M đã đ- ợc tống đạt hợp lệ quyết định xét xử nh- ng vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Về quan hệ hôn nhân:**

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Thu M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 20.7.1981 tại UBND quận Hoàn Kiếm, TP, Hà Nội. Quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm. Ông L giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì ông cho rằng không thể tiếp tục chung sống với bà M được nữa do mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng bà M không có mặt theo giấy triệu tập, không có văn bản thể hiện quan điểm của mình.

Theo xác minh tại địa phương nơi ông L, bà M sinh sống, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng ông L, bà M bất đồng quan điểm sống.

Bà M và các con làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông bà không sống với nhau từ lâu.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L, bà M trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của ông L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 .

*** Về con chung**: Ông L và bà M có 03 con chung là: Trần Văn T, sinh năm 1983; Trần Thu T, sinh năm 1984; Trần Thu T, sinh năm 1987. Các con của ông bà đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên nên không xem xét.

***Về tài sản chung, nhà ở**: Nguyên đơn đề nghị tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

***Về án phí**: Ông L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đ- ơng sự đ- ợc quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn L. Ông Trần Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu M .

2. Về con chung: Xác nhận ông L và bà M có 03 con chung là: Trần Văn Trung, sinh năm 1983; Trần Thu Thủy, sinh năm 1984; Trần Thu Thảo, sinh năm 1987. Các con của ông bà đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở: Các đ- ơng sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm đ- ợc trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng ông L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0567 ngày 14.6.2018 tại chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên nay chuyển thành án phí.

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Thu M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ- ợc tống đạt bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa**